|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ĐỀ THI THAM KHẢO | **KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỐ THÔNG NĂM 2021** | | |  |
| (Để thi có 04 trang) |  |  | **Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI** |  |
| **ĐỀ 2** |  | **Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ** | |  |
|  | Thời gian làm bài: 50 phủ, không kể thời gian phát đề | | |  |

**Câu 41:** Thủy sản nước ngọt ở nước ta thường được nuôi tại

A. vịnh biển. B. ao hồ. C. bãi triều. D. đầm phá.

**Câu 42:** Thiên tài nào sau đây thường xảy raởven biển nước ta?

A. Lũ quét. B. Sóng thần. C. Trượt đất. D. Cát bay.

**Câu 43:** Ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay **không** phải là

A. cơ khí - điện tử. B. luyện kim màu. C. vật liệu xây dựng. D. năng lượng.

**Câu 44:** Sông có tiềm năng thủy điện lớn nhất trên hệthống sông Hồng là

A. sông Đà. B. sông Gâm. C. sông Lô. D. sông Chảy.

**Câu 45:** Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu trong sửdụng và cải tạo tựnhiên của Đồng Bằng sông Cửu Long là

A. thủy lợi. B. chống cát bay. C. trồng rừng. D. thay đổi cơ cấu mùa vụ.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tinh nào trong các tinh sau đây có diện tíchnhỏ nhất?

A. Bắc Ninh. B. Hà Nam. C. Hưng Yên. D. Đà Nẵng.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệthống sông sau đây,hệthống

sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất?

A. Sông Mã. B. Sông Cả. C. Sông Thái Bình. D. Sông Thu Bồn.

**Câu 48.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khi hậuTây Bắc Bộ?

A. Sa Pa. B. Thanh Hóa. C. Điện Biên Phủ. D. Lạng Sơn.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào cao nhất trong các núi sau đây?

A. Ngọc Linh. B. Vọng Phu. C. Bi Doup. D. Ngọc Krinh.

**Câu 50:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết các đô thị nào sau đây là đô thị loại 2 ởnước ta?

A. Đà Nẵng. B. Quy Nhơn. C. Hải Phòng. D. Đồng Hới

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây **không** thuộc Duyên hải Nam

Trung Bộ?

A. Huế. B. Khánh Hóa. C. Bình Thuận. D. Phú Yên.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây côngnghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

A. Gia Lai. B. Lâm Đồng. C. Đắk Lắk. D. Phú Yên.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa li Việt Nam trang 21, cho biết ngành công nghiệp nào sau đây có ởtrung tâmCà Mau?

A. Dệt. B. Luyện kim đen. C. Cơ khí. D. Sản xuất ô tô.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thựcphẩm nào sau đây có quy mô lớn?

A. Vinh. B. Cần Thơ. C. Tây Ninh. D. Hà Nội.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số5 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

A. Nam Định. B. Hòa Bình. C. Hải Phòng. D, Ninh Bình.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây là di sản tựnhiên thế giới?

A. Phong Nha Kẻ Bàng. B. Cố đô Huế. C. Di tích Mỹ Sơn. D. Phố cổ Hội An

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết nhà máy nhiệt điện Uông Bí thuộc tỉnh nào

sau đây?

A. Lạng Sơn. B. Thái Nguyên. C. Tuyên Quang. D. Quảng Ninh.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tếven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nàosau đây?

A. Thanh Hóa. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Phan Thiết thuộc tỉnh nào sau đây ởDuyên hải Nam Trung Bộ?.

A. Ninh Thuận. B. Bình Định. C. Bình Thuận. D. Phú Yên.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết kênhVĩnh Tếnối Hà Tiên với điểm nào sauđây?

A. Long Xuyên. B. Ngã Bảy. C. Cao Lãnh. D. Châu Đốc.

**Câu 61:** Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A, NĂM 2018

|  |  |
| --- | --- |
| **Số dân** *(triệu người)* | **Sản lượng lúa** *(nghìn tấn)* |
|  |  |
| 265 | 83037 |
|  |  |

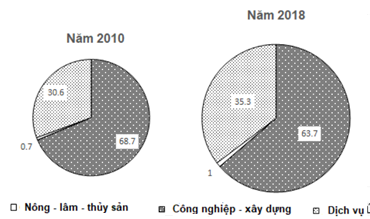
*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Căn cứ vào bảng số liệu, bình quân sản lượng lúa theo đầu người của In-đô-nê-xi-a năm 2018 là

A. 319 kg/người. B. 31,3 kg/người. C. 31,9 tạ/người. D. 313 kg/người.

**Câu 62: Cho biểu đồ:**

**Sự thay đổi tỉ trọng GDP phân theo ngành kinh tế của Bru-nây năm 2010 và năm 2018**



*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)*

Căn cứ biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng GDP phân theo ngành kinh tế của

Bru-nây năm 2010 và năm 2018?

A. Nông - lâm - thủy sản giảm, dịch vụ tăng. B. Công nghiệp - xây dựng giảm, dịch vụ giảm.

C. Công nghiệp - xây dựng tăng, dịch vụ tăng. D. Nông - lâm - thủy sản tăng, dịch vụ tăng.

**Câu 63:** Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên

A. mưa nhiều, độ ẩm lớn. B. tổng bức xạ Mặt Trời lớn.

C. giàu có các loại khoáng sản. D. khí hậu phân thành hai mùa.

**Câu 64:** Đặc điểm nguồn lao động nước ta hiện nay là

A. số lượng không lớn. B. trình độ rất cao.

C. chất lượng nâng lên. D. phân bố rất đều.

**Câu 65:** Đặc điểm đô thị hoá ở nước ta là

A. trình độ đô thị hoá thấp. B. tỉ lệ dân thành thị giảm.

C. phân bố đô thị đều giữa các vùng. D. quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh.

**Câu 66:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ của nước ta hiệnnay?

A. Thành lập các khu công nghiệp tập trung. B. Các vùng chuyên canh lớn được hình thành.

C. Tạo sự phân hóa sản xuất lớn giữa các vùng. D. Vai trò kinh tế tư nhân ngày càng quan trọng.

**Câu 67:** Ngành chăn nuôi của nước ta hiện nay

A. có cơ sở thức ăn đã được đảm bảo. B. nuôi nhiều trâu và bò lấy sức kéo.

C. có hiệu quả cao và luôn ổn định. D. chỉ sử dụng giống năng suất cao.

**Câu 68:** Vai trò kinh tế chủ yếu của rừng sản xuất ở nước talà

A. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. B. tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ lực.

C. cung cấp gỗ, củi, nguyên liệu giấy. D. đóng góp tỉ trọng rất lớn trong GDP.

**Câu 69:** Viễn thông nước ta hiện nay **không** phải là ngành

A. phân bố tập trung ở vùng núi. B. có đông đảo lao động kĩ thuật.

C. sử dụng nhiều thiết bị hiện đại. D. có các hoạt động rất đa dạng.

**Câu 70:** Thuận lợi chủ yếu đối với phát triển du lịch biển nước ta là có

A. rừng ngập mặn, các bãi triều rộng. B. vùng biển rộng, đường bờ biển dài.

C. nhiều bãi biển đẹp, các đảo ven bờ. D. các ngư trường lớn, nhiều sinh vật.

**Câu 71:** Kim ngạch xuất khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủyếu do tác động củaviệc

A. đẩy mạnh khai thác khoáng sản các loại. C. tích cực mở rộng thêm nhiều thị trường.

B. đẩy mạnh công nghiệp hóa và đô thị hóa. D. tham gia của nhiều thành phần kinh tế.

**Câu 72:** Ý nghĩa chủyếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệpở Đồng bằng sông Hồng làA. phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.

1. hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.
2. tạo thêm nhiều mặt hàng và giải quyết được việc làm.
3. góp phần hiện đại hóa sản xuất và bảo vệ môi trường.

**Câu 73:** Biện pháp chủyếu đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảoởDuyên hải Nam Trung BộlàA. nâng cấp các cơ sở lưu trú, khai thác mới tài nguyên.

B. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng loại hình sản phẩm.

C. nâng cao trình độ người lao động, tích cực quảng bá.

D. thu hút dân cư tham gia, phát triển du lịch cộng đồng.

**Câu 74:** Giải pháp chủyếu đểnâng cao giá trịsản xuất cây công nghiệp lâu năm ởTây Nguyên là

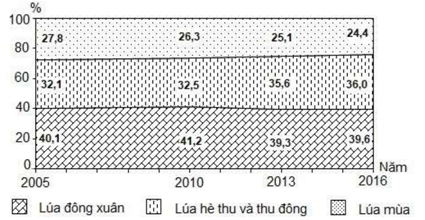
A. phát triển chế biến, tăng cường xuất khẩu. B. tăng đầu tư, mở rộng vùng chuyên canh.

C. thay đổi cơ cấu cây trồng, dùng giống tốt. D. mở rộng diện tích, chú trọng việc thủy lợi.

**Câu 75:** Giải pháp chủyếu đểsửdụng hợp lí tựnhiênở Đồng bằng sông Cửu Long là

1. phát triển tổng hợp kinh tế biển và sống chung với lũ.
2. đẩy mạnh trồng cây lương thực và nuôi trồng thủy sản.
3. khai khẩn đất, trồng rừng ngập mặn và khai thác biển.
4. cải tạo đất, bảo vệ rừng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

**Câu 76:** Cho biểu đồvềdiện tích lúa phân theo mùa vụ nước ta, giai đoạn 2005 – 2016



*(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

**Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?**

A. Quy mô, cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ nước ta.

B. Thay đổi quy mô diện tích lúa phân theo mùa vụ nước ta.

1. Chuyển dịch cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ nước ta.
2. Tốc độ tăng trưởng diện tích lúa phân theo mùa vụ nước ta.

**Câu 77:** Chế độ mưa trên các vùng lãnh thổ nước ta có sự phân hóa phức tạp theo không gian, thời gian chủyếu do

A. Tín phong bán cầu Bắc, hoạt động của gió mùa, vị trí địa lí và địa hình.

B. gió mùa Tây Nam, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, vị trí địa lí.

C. gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc, vị trí địa lí và địa hình núi.

D. gió tây nam thổi vào mùa hạ, vị trí địa lí, độ cao và hướng các dãy núi.

**Câu 78:** Cây ăn quả ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay phát triển theo hướng tập trung do tác độngchủ yếu của

A. chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, phát triển các sản phẩm giá trị.

1. đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, tích cực mở rộng thị trường.
2. sản xuất theo hướng thâm canh, khai thác hiệu quả thế mạnh.
3. ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, giải quyết việc làm tại chỗ.

**Câu 79:** Ý nghĩa chủyếu của việc phát triển cơ sởhạtầng giao thông vận tảiởBắc Trung BộlàA. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thuận lợi thu hút đầu tư.

B. tạo cơ sở hình thành đô thị mới, phân bố dân cư và lao động.

C. đẩy mạnh giao lưu với các vùng, thúc đẩy phát triển du lịch.

1. phục vụ nhu cầu người dân, khai thác tài nguyên thiên nhiên. **Câu 80:** Cho bảng sốliệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 – 2016

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2005 | 2010 | 2016 |
| Xuất khẩu | 32447,1 | 72236,7 | 176580,8 |
| Nhập khẩu | 36761,1 | 84838,6 | 174803,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô và cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta trong thời gian trên biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Miền. B. Kết hợp. C. Đường. D. Tròn.

----------Hết-----------

*Thí sinh được sử dụng Atlat Địa li Việt Nam do NXB Giảo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **41** |  |  | **42** | **43** | **44** | **45** |  | **46** | **47** | **48** | **49** | **50** |
| B | |  | D | B | A | A |  | A | D | C | A | B |
| **51** |  |  | **52** | **53** | **54** | **55** |  | **56** | **57** | **58** | **59** | **60** |
| A | |  | D | C | B | C |  | A | D | A | C | D |
| **61** |  |  | **62** | **63** | **64** | **65** |  | **66** | **67** | **68** | **69** | **70** |
| D | |  | D | B | C | A |  | D | A | C | A | C |
| **71** |  |  | **72** | **73** | **74** | **75** |  | **76** | **77** | **78** | **79** | **80** |
| C | |  | A | B | A | D |  | C | A | A | A | D |
|  |  |  |  |  | **GIẢI THÍCH THAM KHẢO** | | | | |  |  |  |
| **CÂU** |  | **ĐÁP ÁN** | |  |  |  |  | **GIẢI THÍCH** | |  |  |  |
| 41 |  |  | B | Thủy sản nước ngọt thường được nuôi ở ao hồ, sông suối, kênh rạch, ô trũng ở đồng | | | | | | | | |
|  |  |  |  | bằng. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 42 |  |  | D | Ở ven biển nước ta thường xảy ra các thiên tai như: bão, cát bay, cát chảy, sạt lở bờ | | | | | | | | |
|  |  |  |  | biển,… |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 43 |  |  | B | Các ngành công nghiệp trọng điểm chủ yếu ở nước ta là: năng lượng, chế biến lương | | | | | | | | |
|  |  |  |  | thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng (dệt-may), cơ khí - điện tử, vật liệu xây | | | | | | | | |
|  |  |  |  | dựng, phân bón - hóa chất - cao su. | | | | |  |  |  |  |
| 44 |  |  | A | Hệ thống sông Hồng chiếm 1/3 trữ năng thủy điện cả nước (11 triệu kW), riêng sông | | | | | | | | |
|  |  |  |  | Đà (sông chảy ở vùng Tây Bắc) là một phụ lưu của sông Hồng đã chiếm gần 6 triệu | | | | | | | | |
|  |  |  |  | kW. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 45 |  |  | A | Khó khăn lớn nhất của Đồng bằng sông Cửu Long về tự nhiên là xâm nhập mặn lấn | | | | | | | | |
|  |  |  |  | sâu, mùa khô rất thiếu nước ngọt để thau chua rửa mặn, phèn cho đất nên vấn đề thủy | | | | | | | | |
|  |  |  |  | lợi phải được quan tâm hàng đầu. | | | |  |  |  |  |  |
| 46 |  |  | A | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam. | | | |  |  |  |  |  |
| 47 |  |  | D | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam. | | | |  |  |  |  |  |
| 48 |  |  | C | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam. | | | |  |  |  |  |  |
| 49 |  |  | A | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam. | | | |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 50 | B | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam. | | |
| 51 | A | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam. | | |
| 52 | D | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam. | | |
| 53 | C | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam. | | |
| 54 | B | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam. | | |
| 55 | C | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam. | | |
| 56 | A | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam. | | |
| 57 | D | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam. | | |
| 58 | A | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam. | | |
| 59 | C | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam. | | |
| 60 | D | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam. | | |
| 61 | D | Bình quân lúa theo đầu người được tính theo công thức = Sản lượng lúa | | |
|  |  |  | Số dân |  |
| 62 | D | Căn cứ vào biểu đồ: Nông- lâm- thủy sản tăng, dịch vụ tăng. | | |
| 63 | B | Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến, góc chiếu sáng lớn nên nhận được tổng bức | | |
|  |  | xạ Mặt Trời lớn. | | |
| 64 | C | Do thành tựu của ngành giáo dục, y tế nên chất lượng nguồn lao động nước ta được | | |
|  |  | nâng lên. | | |
| 65 | A | Đô thị hóa nước ta diễn ra còn chậm, trình độ thấp, nhất là hệ thống cơ sở hạ tầng đô | | |
|  |  | thị còn thấp so với các nước trong khu vực và thế giới. | | |
| 66 | D | Biểu hiện của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ là: hình thành các vùng động | | |
|  |  | lực tăng trưởng kinh tế, các vùng nông nghiệp, các khu công nghiệp, các trung tâm | | |
|  |  | công nghiệp, tạo sự phân hóa lãnh thổ sản suất. | | |
| 67 | A | Do đảm bảo cơ sở thức ăn cho người nên ngành chăn nuôi nước ta có điều kiện để | | |
|  |  | phát triển, nguồn thức ăn cũng ngày càng đa dạng, phong phú: từ nguồn thức ăn tự | | |
|  |  | nhiên, hoa màu lương thực, thức ăn chế biến công nghiệp. | | |
| 68 | C | Rừng sản xuất ở nước ta là rừng được trồng với mục đích phục vụ sản xuất: cung cấp | | |
|  |  | gỗ, củi, nguyên liệu giấy,… | | |
| 69 | A | Ngành viễn thông nước ta có tốc độ phát triển nhanh, hoạt động đa dạng, ứng dụng | | |
|  |  | nhiều thiết bị hiện đại, phân bố tập trung ở đồng bằng, nơi đông dân nhất là các thành | | |
|  |  | phố lớn. | | |
| 70 | C | Nước ta có điều kiện phát triển du lịch biển -đảo nhờ có các đảo ven bờ. các bãi biển | | |
|  |  | đẹp, rộng, khí hậu tốt. | | |
| 71 | C | Kim ngạch xuất khẩu của nước ta tăng qua các năm, nhờ kết quả của quá trình tích | | |
|  |  | cực hội nhập, mở cửa nền kinh tế. | | |
| 72 | A | Cơ cấu kinh tế kinh tế nói chung và cơ cấu công nghiệp nói riêng ở ĐBSH đang | | |
|  |  | chuyển dịch tích cực, sự phát triển công nghiệp gắn liền với phát triển các ngành công | | |
|  |  | nghiệp trọng điểm như chế biến LTTP, dệt -may, vật liệu xây dựng,…dựa trên các | | |
|  |  | thế mạnh sẵn có về nguồn nguyên liệu, lao động và thị trường. Từ đó sẽ góp phần | | |
|  |  | đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế của vùng. | | |
| 73 | B | Duyên hải Nam Trung Bộ là vùng có nhiều điều kiện để phát triển du lịch biển -đảo | | |
|  |  | do có nhiều bãi biển đẹp, rộng, cát trắng; các đảo ven bờ,…Vùng đã hình thành được | | |
|  |  | các trung tâm du lịch có ý nghĩa quốc gia (Đà Nẵng) và vùng (Nha Trang). Tuy nhiên, | | |
|  |  | để đẩy mạnh phát triển du lịch biển của vùng cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng | | |
|  |  | loại hình, sản phẩm du lịch. | | |
| 74 | A | Ở Tây Nguyên do cơ sở chế biến sản phẩm cây công nghiệp còn lạc hậu, nên chất | | |
|  |  | lượng và giá trị sản phẩm trên thị trường chưa cao, giải pháp đặt ra là phải đầu tư | | |
|  |  | công nghiệp chế biến nhằm nâng cao chất lượng từ đó nâng cao giá trị sản phẩm cây | | |
|  |  | CN, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường các nước, nhất là các thị trường | | |
|  |  | khó tính để nâng cao vị thế sản phẩm cây CN của vùng. | | |
| 75 | D | ĐBSCL có diện tích đất nhiễm phèn, nhiễm mặn lớn, xâm nhập mặn vào mùa khô | | |
|  |  | diễn ra phức tạp; diện tích rừng ngập mặn bị suy giảm do khai thác quá mức và cháy | | |
|  |  | rừng, chính vì vậy để khai thác hợp lí và cải tạo tự nhiên hiệu quả ĐBSCL cần đầu tư | | |
|  |  | thủy lợi để cải tạo đất, bảo vệ rừng ngập mặn, trồng rừng ven biển, chuyển đổi cơ cấu | | |
|  |  |  | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | kinh tế để khai thác hiệu quả các thế mạnh tự nhiên, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. |
| 76 | C | Biểu đồ miền thể hiện rõ được sự chuyển dịch cơ cấu. |
| 77 | A | Chế độ mưa nước ta có sự phân hóa phức tạp theo không gian (không đều theo lãnh |
|  |  | thổ), theo thời gian (theo mùa) chủ yếu là do: tác động kết hợp giữa nhiều nhân tố |
|  |  | gây mưa: Tín phong Bán cầu Bắc (loại gió hoạt động quanh năm), hoạt động của gió |
|  |  | mùa (gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ), vị trí (giáp biển Đông) và địa hình (đón |
|  |  | gió, khuất gió, song song với hướng gió, địa hình núi cao). |
| 78 | A | Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước, nhất là |
|  |  | cây ăn quả nhiệt đới, ngoài các điều kiện thuận lợi về tự nhiên cho phát triển thì nhân |
|  |  | tố ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển tập trung diện tích cây ăn quả của vùng |
|  |  | này là do: chuyển đổi cơ cấu NN của vùng (giảm cây LT, tăng cây công nghiệp, cây |
|  |  | ăn quả, thủy sản), ưu tiên phát triển các sản phẩm có giá trị, đem lại hiệu quả kinh tế |
|  |  | cao. |
| 79 | A | Cơ sở hạ tầng giao thông vận tải và cơ sở năng lượng của vùng Bắc Trung Bộ còn |
|  |  | chậm phát triển, điều này đã ảnh hưởng đến khả năng thu hút vốn đầu tư vào phát |
|  |  | triển, nhất là công nghiệp. Chính vì vậy, việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận |
|  |  | tải (cải tạo nâng cấp quốc lộ 1, đường sắt B-N, sân bay, cảng biển,..) sẽ thuận lợi cho |
|  |  | thu hút vốn đầu tư, từ đó góp phần phát triển kinh tế -xã hội của vùng. |
| 80 | D | Biểu đồ tròn thể hiện rõ được quy mô và cơ cấu. |